

Số: 14 /2018/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 04 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định cưỡng chế thực hiện
quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận
hòa giải thành trong tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6
năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ
quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành trong tranh chấp đất đai.

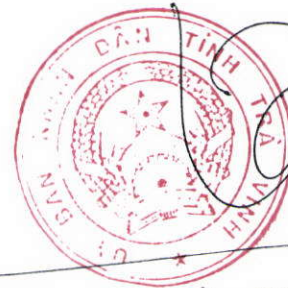
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP, Bộ TN&MT;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- TT TU, TT HĐND;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- BLĐVP;
- Các Phòng NC;
- Lưu: VT, NC 185

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đông Văn Lâm

QUY ĐỊNH

**Cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai,
quyết định công nhận hòa giải thành trong tranh chấp đất đai
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2018/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về nguyên tắc, trình tự, thủ tục việc cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực thi hành, cưỡng chế thực hiện quyết định công nhận hòa giải thành trong tranh chấp đất đai của người có thẩm quyền mà các bên không tự nguyện chấp hành (không áp dụng đối với các trường hợp giải quyết tranh chấp đất đai do cơ quan Tòa án thực hiện).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân phải chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành, quyết định công nhận hòa giải thành nhưng không tự nguyện chấp hành.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện), Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã), các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành cưỡng chế theo Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện cưỡng chế

1. Quá trình cưỡng chế phải được tiến hành đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, dân chủ, khách quan, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp giữa các bên, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn, đúng quy định của pháp luật.

2. Trước khi tổ chức cưỡng chế phải thực hiện công tác vận động, thuyết phục tổ chức, cá nhân liên quan tự nguyện, tự giác chấp hành quyết định.

3. Thời điểm bắt đầu tiến hành cưỡng chế được thực hiện trong giờ hành chính. Không tổ chức cưỡng chế trong các thời điểm sau:

a) Trong thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau; các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật;

b) Trong thời gian mười lăm (15) ngày trước và sau Tết Nguyên đán, các lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số (nếu người bị cưỡng chế là đồng bào dân tộc thiểu số);

c) Trong thời gian diễn ra những sự kiện chính trị quan trọng của đất nước và của tỉnh Trà Vinh;

d) Các ngày truyền thống đối với các đối tượng chính sách nếu họ là người bị cưỡng chế.

Điều 4. Điều kiện thực hiện cưỡng chế; thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế

1. Điều kiện cưỡng chế được thực hiện theo quy định tại Mục 3 Khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ.

2. Thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế được thực hiện theo quy định tại Mục 4 Khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Vận động, thuyết phục thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành, quyết định công nhận hòa giải thành

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành, kể từ ngày người có thẩm quyền ban hành quyết định công nhận hòa giải thành nếu các bên không tự thỏa thuận được hoặc bên phải thi hành quyết định không đồng ý giao trả diện tích đất tranh chấp thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp chủ trì, phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tổ chức vận động, thuyết phục người phải thi hành quyết định chấp hành quyết định. Việc vận động, thuyết phục phải được lập thành biên bản.

Trường hợp người phải thi hành quyết định không chấp hành quyết định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xin chủ trương cưỡng chế.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trình xin chủ trương cưỡng chế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho cơ quan chuyên môn cấp huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã gấp gỡ, làm việc

với các bên tranh chấp, người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu có) để thu thập thông tin, vận động, thuyết phục các bên chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực thi hành, quyết định công nhận hòa giải thành.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ vận động, thuyết phục phải báo cáo kết quả đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Báo cáo gồm có các nội dung cơ bản: Việc triển khai thực hiện; quá trình giải thích, tuyên truyền, vận động, thuyết phục (kèm biên bản vận động, thuyết phục); yêu cầu của các bên tranh chấp; nhận xét và kiến nghị ban hành quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế, quyết định cưỡng chế nếu đối tượng không tự nguyện chấp hành.

Điều 6. Quyết định cưỡng chế, thành lập Ban thực hiện cưỡng chế

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quy định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ban hành quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

2. Quyết định cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản sau:

- Họ tên và địa chỉ của người bị cưỡng chế;
- Nội dung, lý do cưỡng chế; biện pháp thực hiện cưỡng chế; thời gian, địa điểm thực hiện cưỡng chế;
- Cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế; cơ quan có trách nhiệm tham gia, phối hợp.

3. Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản như sau:

a) Thành phần Ban thực hiện cưỡng chế (theo quy định tại Mục 6 Khoản 59 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ).

b) Nhiệm vụ của Ban thực hiện cưỡng chế.

Điều 7. Giao, niêm yết quyết định cưỡng chế

1. Trong thời gian 02 ngày làm việc, quyết định cưỡng chế phải được gửi cho Ban thực hiện cưỡng chế; cơ quan, tổ chức có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để phối hợp thực hiện.

2. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế tổ chức giao quyết định cưỡng chế cho người bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân liên quan và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất tranh chấp.

Quyết định cưỡng chế được giao trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện bằng hình thức bảo đảm cho người bị cưỡng chế.

a) Đối với trường hợp giao quyết định cưỡng chế trực tiếp mà người bị cưỡng chế không nhận hoặc cố tình vắng mặt thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản về việc người bị cưỡng chế không nhận hoặc cố tình vắng mặt; biên bản phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và có 02 người làm chứng do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giới thiệu hoặc có Đại diện Ban công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở ấp, khóm xác nhận thì được coi là quyết định đã được giao;

b) Đối với trường hợp quyết định cưỡng chế gửi qua đường bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi lần thứ 3 mà bị trả lại với lý do người bị cưỡng chế cố tình không nhận; đồng thời, quyết định cưỡng chế đã được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất tranh chấp thì được xem là quyết định cưỡng chế đã được giao.

3. Việc niêm yết quyết định cưỡng chế phải được lập biên bản, có đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Trưởng Ban nhân dân khóm, ấp nơi thực hiện cưỡng chế xác nhận. Quyết định cưỡng chế được niêm yết công khai cho đến khi kết thúc việc cưỡng chế.

Điều 8. Xây dựng kế hoạch thực hiện cưỡng chế

1. Trưởng Ban thực hiện cưỡng chế tổ chức việc thu thập thông tin, khảo sát hiện trạng nơi tiến hành cưỡng chế; chủ trì xây dựng kế hoạch thực hiện cưỡng chế và lập kinh phí trình người ra quyết định cưỡng chế phê duyệt trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế.

2. Kế hoạch cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản về: Mục đích, yêu cầu; nội dung cưỡng chế (người bị cưỡng chế, thời gian, địa điểm cưỡng chế, phương pháp thực hiện cưỡng chế); lực lượng tham gia, hỗ trợ; tổ chức và kinh phí thực hiện; dự kiến các tình huống phát sinh và phương án ứng phó.

3. Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm phối hợp với cơ quan báo chí, đài truyền thanh, truyền hình để kịp thời thông tin, tuyên truyền đến người dân.

Điều 9. Vận động, thuyết phục, đối thoại và thông báo cưỡng chế

1. Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày đối tượng bị cưỡng chế nhận được quyết định cưỡng chế hoặc không nhận quyết định cưỡng chế nhưng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục thì Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các ngành, đoàn thể cấp xã vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan tự nguyện chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành đã có hiệu lực pháp luật. Việc vận động, thuyết phục, đối thoại phải được lập thành biên bản.

2. Nếu người bị cưỡng chế tự nguyện chấp hành thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản công nhận sự tự nguyện, người bị cưỡng chế ký tên hoặc điểm chỉ. Việc chấp hành tự nguyện phải được thực hiện ngay, trường hợp có di dời tài sản, vật kiến trúc,... trên đất thì phải chấp hành sự tự nguyện trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản.

3. Nếu người bị cưỡng chế không tự nguyện chấp hành thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản việc không tự nguyện; trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản thì Ban thực hiện cưỡng chế gửi văn bản thông báo cưỡng chế đến người bị cưỡng chế; yêu cầu người bị cưỡng chế, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tài sản trên đất phải di dời ra khỏi nơi thực hiện cưỡng chế.

Điều 10. Thực hiện cưỡng chế ngoài thực địa

1. Trên cơ sở quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế đã được phê duyệt, Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với các cơ quan tiến hành cưỡng chế ngoài thực địa.

a) Trường hợp người bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các ngành, đoàn thể cấp xã và ít nhất phải có 02 người dân tại địa phương do Ban công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở ấp, khóm giới thiệu chứng kiến.

b) Trước khi thực hiện cưỡng chế, nếu người bị cưỡng chế tự nguyện chấp hành thì Ban thực hiện cưỡng chế lập thủ tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Quy định này. Việc chấp hành tự nguyện phải được thực hiện ngay, có sự giám sát của Ban thực hiện cưỡng chế.

c) Việc cưỡng chế phải được lập thành biên bản và giao cho người bị cưỡng chế một bản; biên bản cần có các nội dung: Thời gian, địa điểm, cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế; người bị cưỡng chế; đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến; địa điểm cưỡng chế, hiện trạng đất (các tài sản trên đất) khi cưỡng chế, kết quả thực hiện cưỡng chế và phải được thành phần tham dự cưỡng chế ký tên; trường hợp vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản thì phải ghi lý do vào biên bản.

2. Ban thực hiện cưỡng chế buộc người bị cưỡng chế, người có liên quan phải tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi nơi cưỡng chế. Nếu người bị cưỡng chế không tự nguyện thực hiện, Ban thực hiện cưỡng chế yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa người

bị cưỡng chế cùng tài sản (động sản) và tháo dỡ, di dời nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi,... ra khỏi nơi cưỡng chế.

3. Trường hợp người bị cưỡng chế, người có liên quan từ chối nhận tài sản thì Ban thực hiện cưỡng chế bàn giao tài sản theo biên bản đã lập khi cưỡng chế cho Ủy ban nhân dân cấp xã trông giữ, bảo quản theo quy định của pháp luật, trừ các loại tài sản theo quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều này. Khi bàn giao tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban thực hiện cưỡng chế phải lập biên bản bàn giao.

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày thực hiện cưỡng chế xong, Ban thực hiện cưỡng chế phải gửi thông báo cho người bị cưỡng chế, niêm yết thông báo tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế về thời gian, địa điểm để giao lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp; việc niêm yết phải được lập thành biên bản. Quá 90 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo đến nhận tài sản mà người có tài sản không đến nhận (trừ trường hợp có lý do chính đáng) thì tài sản đó sẽ được xử lý theo quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

a) Đối với tài sản là hàng hóa, vật phẩm, dễ hư hỏng (hàng tươi sống, thủy sản, thực phẩm, hoa màu, vật phẩm khác...) thì Ban thực hiện cưỡng chế thông báo cho chủ sở hữu tài sản nhận ngay sau khi tiến hành cưỡng chế, nếu từ chối nhận tài sản thì chủ tài sản chịu trách nhiệm về mất mát, hư hao, chênh lệch giá về tài sản. Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản và tổ chức bán đấu giá theo quy định, số tiền thu được, sau khi trừ các chi phí cho việc vận chuyển, bảo quản, xử lý tài sản sẽ được gửi vào tài khoản tạm giữ mở tại Kho bạc Nhà nước.

b) Đối với tài sản mà người bị cưỡng chế không được phép quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật thì Ban thực hiện cưỡng chế phải lập biên bản và bàn giao cho cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành để quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Chậm nhất sau 05 ngày kể từ ngày thực hiện xong cưỡng chế ngoài thực địa, Ban thực hiện cưỡng chế đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền đo đạc và lập biên bản bàn giao đất cho người sử dụng hợp pháp, biên bản bàn giao đất phải có chữ ký của đại diện Ban thực hiện cưỡng chế, người nhận bàn giao đất và xác nhận của chính quyền địa phương (cấp xã).

5. Căn cứ biên bản giao đất ngoài thực địa của cơ quan chức năng có thẩm quyền và Ban thực hiện cưỡng chế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Điều 11. Xử lý tài sản tạm quản lý thuộc trường hợp bán đấu giá

1. Quá thời hạn 90 ngày, kể từ ngày niêm yết thông báo nhận tài sản mà chủ sở hữu không đến nhận tài sản được quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Quy định này, cơ quan chủ trì cưỡng chế trình người ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện bán đấu giá tài sản.

2. Việc bán đấu giá tài sản được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về bán đấu giá tài sản.

3. Số tiền thu được sau khi trừ đi các chi phí cho việc bán đấu giá, vận chuyển, trông giữ, bảo quản, xử lý tài sản, sẽ được gửi vào tài khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng và thông báo cho cá nhân, tổ chức có tài sản biết để nhận khoản tiền đó.

4. Đối với tài sản tạm quản lý nhưng không còn giá trị sử dụng hoặc không bán được thì cơ quan chủ trì cưỡng chế trình người ban hành quyết định cưỡng chế tiến hành tiêu hủy tài sản đúng theo quy định.

Điều 12. Lưu trữ hồ sơ cưỡng chế

1. Hồ sơ cưỡng chế lưu trữ gồm có:

a) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành, quyết định công nhận hòa giải thành;

b) Quyết định cưỡng chế;

c) Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế và kế hoạch cưỡng chế đã được phê duyệt;

d) Biên bản vận động, thuyết phục, đối thoại; biên bản cưỡng chế; biên bản tạm quản lý tài sản cưỡng chế; biên bản bàn giao bảo quản tài sản tạm quản lý và các biên bản khác;

đ) Biên bản niêm yết Quyết định cưỡng chế tại Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất tranh chấp và Biên bản giao quyết định cưỡng chế;

e) Thông báo nhận tài sản;

f) Hình ảnh, thiết bị lưu trữ ghi hình, ghi âm (nếu có) và các văn bản khác.

2. Tài liệu trong hồ sơ phải đánh số thứ tự, lập bảng kê tài liệu và được lưu tại cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Chi phí thực hiện cưỡng chế

1. Chi phí cưỡng chế được tạm ứng từ ngân sách nhà nước và được hoàn trả ngay sau khi thu được tiền của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

2. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí cho các hoạt động cưỡng chế. Nếu cá nhân, tổ chức không tự nguyện hoàn trả hoặc hoàn trả chưa đủ chi phí cưỡng chế thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành cưỡng chế

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này.

b) Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực.

c) Phối hợp chặt chẽ với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn giải quyết vướng mắc trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, hòa giải tranh chấp đất đai.

2. Thanh tra tỉnh

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn việc thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải tranh chấp đất đai tại cơ sở.

3. Công an tỉnh

Chỉ đạo, tổ chức lực lượng nắm chắc diễn biến, tình hình liên quan các tổ chức, cá nhân phải cưỡng chế. Chỉ đạo Công an các huyện, thị xã, thành phố phối hợp trong xây dựng kế hoạch, thống nhất các phương án bảo vệ với Ban thực hiện cưỡng chế và đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình thực hiện cưỡng chế.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh

Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, vận động người phải chấp hành tự nguyện chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và quyết định công nhận hòa giải thành trong tranh chấp đất đai.

5. Các sở, ngành tỉnh có liên quan

Theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến lĩnh vực của ngành khi Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo tổ chức thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành, quyết định công nhận hòa giải thành; tổ chức cưỡng chế thực hiện quyết

định giải quyết tranh chấp đất đai, cưỡng chế thực hiện quyết định công nhận hòa giải thành khi người phải chấp hành không chấp hành (sau khi xin chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh).

b) Tiếp nhận, giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức tuyên truyền vận động, thuyết phục người phải chấp hành quyết định tự nguyện chấp hành, chấm dứt tranh chấp đất đai.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện giao hoặc niêm yết công khai quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành.

c) Huy động lực lượng địa phương tham gia thực hiện cưỡng chế; tham gia niêm phong, di chuyển tài sản của tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế (nếu có) theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện; trông giữ, bảo quản tài sản do Ban thực hiện cưỡng chế bàn giao.

8. Trách nhiệm của Ban thực hiện cưỡng chế

a) Xây dựng kế hoạch cưỡng chế; chấp hành, tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế theo trình tự thủ tục trong Quy định này.

b) Hoàn thiện hồ sơ cưỡng chế để thực hiện cưỡng chế và chuyển hồ sơ cho cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế lưu trữ theo quy định.

9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan:

Phối hợp chặt chẽ với cơ quan có thẩm quyền, Ban thực hiện cưỡng chế khi thực hiện yêu cầu và chịu trách nhiệm đối với nhiệm vụ được phân công theo quy định của pháp luật.

10. Trách nhiệm của người bị cưỡng chế

a) Tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế phải chấp hành quyết định cưỡng chế. Người nào trực tiếp hoặc xúi giục, kích động người khác có hành vi gây rối trật tự công cộng hoặc chống người thi hành công vụ nhằm cản trở các hoạt động cưỡng chế thì tùy theo mức độ vi phạm mà xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Chi trả các chi phí liên quan đến việc cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Giải quyết khiếu nại và xử lý trường hợp tái chiếm

1. Người bị cưỡng chế có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện việc thực hiện cưỡng chế theo quy định.

2. Nếu người bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan tái chiếm thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản, xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền và

báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì báo cáo ngay với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để được xử lý theo quy định.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có trách nhiệm phổ biến và thực hiện nội dung Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH_m**



Đông Văn Lâm